

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS -ST

Ngày: 26-5-2023

*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phạm Văn Nhơn**.

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Hồng T**, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

2.1. Bà **Lưu Lê H**, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T trình bày: Vào ngày 19/4/2021 âm lịch, bà có cho ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), có làm biên nhận do ông N viết và ký tên, không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thoả thuận bằng lời nói là lãi suất 1%/tháng, hứa khi bà cho hay 01 tháng thì ông N, bà H trả đủ vốn, lãi cho bà. Khoảng 01 tháng sau ông N, bà H có vay tiếp của bà 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), không có biên nhận, chỉ thoả thuận bằng lời nói. Sau khi vay phía ông N,

bà H có trả lãi cho bà nhưng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, bà có yêu cầu ông N, bà H trả lại số tiền vốn và lãi rất nhiều lần nhưng đến nay ông N, bà H vẫn chưa trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay còn nợ là 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) và yêu cầu trả lãi, tính lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 03/3/2023 đến ngày xét xử xong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền vay còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 19/4/2021 âm lịch bà Võ Thị Hồng T có cho ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói là lãi suất 1%/tháng. Biên nhận do ông N ký tên. Sau đó ông N, bà H có vay thêm 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), không có viết biên nhận, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông N, bà H vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Do vậy thực tế việc vay tiền có xảy ra, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bị đơn ông N, bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét ông N và bà H là người sống chung hộ gia đình và là vợ chồng theo tài liệu thu thập tại Giấy mượn tiền ngày 15/3/2021 xác định ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H là vợ chồng và việc vay tài sản của bị đơn cũng nhằm lo cho sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Do đó trách nhiệm trả nợ là của chung vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó việc bà T yêu cầu ông N và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu trả lãi là có lợi cho phía bị đơn và hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T số tiền vay vốn còn nợ là 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể ông N và bà H phải liên đới nộp $23.000.000đ \times 5\% = 1.150.000đ$ (*Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 575.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003955 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T số tiền vay còn nợ 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lưu Lê H có nghĩa vụ liên đới nộp 1.150.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*).

2.2. Hoàn trả bà Võ Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 575.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003955 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An